

HỢP TÁC GIỮA NGA VÀ VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DI DÂN LAO ĐỘNG (PHẦN I: LAO ĐỘNG TỪ VIỆT NAM VÀO NGA)

GS. TS. Riazanxep X.V.

Viện Nghiên cứu Chính sách xã hội

Viện Hàn lâm khoa học Nga

TS. Nguyễn Cảnh Toàn

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Tính cấp bách của vấn đề¹

Những yếu tố nhân khẩu học, kinh tế-xã hội và lịch sử là điều kiện tất yếu khách quan cho sự hợp tác giữa Việt Nam và Nga trong lĩnh vực lao động di cư.

Từ năm 2008 trở lại đây, số lượng các nguồn lực lao động tại Nga đang giảm. Thị trường lao động của Nga hiện nay lại đang thiếu hụt nghiêm trọng. Dự báo cho thấy dần dần ở Nga sẽ gia tăng nhu cầu về nhân lực trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Một trong những nguồn bổ sung cho thị trường này là lực lượng lao động di cư từ Việt Nam. Đến 2050, dự báo dân số Việt Nam sẽ đạt khoảng 117.000.000 người. Giới tính và cấu trúc tuổi của dân cư sẽ khác hiện nay bởi lúc đó lao động của Việt Nam có độ tuổi rất trẻ. Kinh nghiệm trong khi tính đến sự hợp tác trong lĩnh vực di dân, hoặc tình huống khách quan nhân khẩu học và trạng thái thị trường lao động cũng như quan hệ hợp tác chính trị, kinh tế Nga-Việt cho thấy một phần của dân số Việt Nam có thể tham

gia trong “dòng chảy” di cư lao động vào Nga với tư cách là công nhân và sinh viên.

Song song với “dòng chảy” di dân từ Việt Nam sang Nga như nói ở trên, hiện đang hình thành khá rõ “dòng chảy ngược lại” - từ Nga vào Việt Nam theo nhiều hướng, nhiều cách khác nhau và nó phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, chế độ thuế, chính sách quản lý kinh doanh, chính sách bất động sản và các yếu tố khác. Hiện nay, người Nga đang tích cực thăm dò thị trường, đầu tư và làm việc ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Dòng chảy của các doanh nhân Nga và các chuyên gia đã được chú ý tại Việt Nam, có lẽ nó sẽ phát triển trong tương lai.

Lịch sử của di dân lao động

Lao động di cư giữa Việt Nam và Nga có một lịch sử khá lâu đời. Những dòng di dân lao động đầu tiên từ Nga đến Việt Nam có thể được coi chính là các chuyên gia quân sự Liên Xô, những người đã đến Việt Nam vào tháng 4/1961 trong quá trình can thiệp quân sự của Hoa Kỳ. Từ tháng 7/1965 đến tháng 12/1974 có tới 6.400 cán bộ sĩ quan các cấp khác nhau cho đến cấp tướng tới Việt Nam với tư cách là “chuyên gia quân sự Liên Xô”. Tổng cộng, trong thời kỳ chiến

¹ Nghiên cứu được tiến hành dưới sự tài trợ của Quỹ Khoa học xã hội Nga. Dự án N^o 08-03-94833 a/V. 2010-2012. Báo cáo khoa học, Hội thảo khoa học quốc tế “Quan hệ Cộng hòa XHCN Việt Nam-Liên bang Nga: Lịch sử, hiện trạng và triển vọng”.

tranh chóng Mỹ ở Việt Nam đã có 24.000 chuyên gia quân sự và 15.000 chuyên gia dân sự đến từ các nước của Liên Xô cũ.

Dòng chảy di cư lao động Việt Nam vào Nga muộn hơn. Những năm 1980, do thiếu sức lao động, Liên Xô đã kí kết với Việt Nam Hiệp định về việc mời công nhân Việt Nam sang lao động. Hiệp định giữa hai Chính phủ được kí kết ngày 02/04/1981 đã mở đầu cho những làn sóng di dân lao động Việt Nam sang Liên Xô. Theo Hiệp định này đã có 103.000 người Việt Nam sang 370 nhà máy thuộc 7 nước cộng hòa Xô viết, chủ yếu của Liên bang Nga (chiếm 83%). Ở riêng từng nhà máy, người Việt Nam chiếm khoảng 10-15% số lượng công nhân. Sự kiện sau minh chứng cho lợi ích của hình thức hợp tác này đối với Nga: Thời kì đầu chỉ có 4 bộ Liên bang tiếp nhận công nhân Việt Nam, sau một thời gian ngắn đã có tới 30 bộ và ngành tiếp nhận. Đào tạo được tiến hành theo 70 ngành nghề. Khoảng 50% công dân Việt Nam làm việc ở ngành công nghiệp nhẹ và dệt may, 15% - ngành chế tạo cơ khí, 16% - ngành xây dựng, những người còn lại làm việc trong những nhà máy than, hóa chất và các ngành khác. Cơ cấu ngành và việc làm của người Việt Nam di cư khá ổn định trong suốt giai đoạn tuyển dụng họ ở Liên Xô. Những trung tâm chính tuyển dụng lao động Việt Nam được hình thành ở vùng Trung tâm, vùng Volga và tây Xibêri.

Từ năm 1991, do Liên Xô tan rã, phía Việt Nam ngừng gửi những nhóm người di cư mới. Hợp đồng lao động kết thúc 4 năm đối với phụ nữ và 6 năm đối với nam giới có thể kéo dài thêm không quá một thời hạn,

điều này đảm bảo quay vòng cán bộ. Sau khi hết hạn làm việc và kết thúc học tập, những người này trở về Việt Nam, các cuộc kết hôn giữa các dân tộc không được tiến hành. Vào năm 1991, ở Liên Xô có khoảng 150 nghìn người Việt Nam. Khi Liên Xô tan rã, những người này không có công việc và vốn liếng để sinh sống. Khác với Cộng hòa dân chủ Đức, Nga không mua vé cho họ trở về nước cũng như không giúp họ trở về cho dù nhiều người từ chối đăng kí lại, điều này làm mất khả năng sinh sống hợp pháp của họ ở Nga. Người Việt Nam bắt buộc phải ra chợ buôn bán. Đến đầu năm 1996, những người Việt Nam cuối cùng sang làm việc ở các nhà máy đã hết hạn cư trú, và ở các nhà máy Nga không còn công nhân Việt Nam (theo thông lệ, họ bị sa thải). Chính phủ hai nước không muốn giúp đỡ những người di cư trở về nước. Nga và Việt Nam đã không thực hiện cam kết trả tiền vé cho những người làm việc trở về (hầu hết các nhà máy không có tiền mua vé máy bay về Việt Nam và không có hình phạt nào đối với lãnh đạo các nhà máy đang nợ). Cuộc sống bắt buộc những người di cư Việt Nam phải thích nghi với điều kiện kinh tế - xã hội mới để tồn tại, sống trong sợ hãi và nguy hiểm. Có khoảng 81 nghìn người phải trở về nước, một số người trong số họ ở lại Nga bất hợp pháp. Ngoài ra, có 17,6 nghìn công nhân Việt Nam rời khỏi nước Nga ngoài Hiệp định, 278 người chết, 81 người vào tù, 93 người đăng kí kết hôn với dân địa phương và nhận quốc tịch Nga. Trên cơ sở những dữ liệu này có thể kết luận rằng, nếu như có khoảng 5 nghìn người né tránh về nước thì số lượng những người không trở về là 10-15 nghìn người. Mặc dù Hiệp định

năm 1981 trên thực tế đã hoàn thành, tuy nhiên về hình thức vẫn giữ hiệu lực cho đến nay. Trong quá trình cải cách cơ cấu ở Nga, hệ thống thanh toán sử dụng sức lao động trước đây đã bị phá vỡ. Nga cần phải trả nợ cho Việt Nam và số nợ này tiếp tục tăng. Đầu tiên Nga phải trả tiền tương ứng với thu nhập của Việt Nam bằng khoảng 60% tổng số bảo hiểm công nhân và bồi thường một phần chi phí lựa chọn họ. Ngoài ra công dân Việt Nam còn chuyển về nước 10% lương của mình.

Lao động di cư từ Việt Nam vào Nga

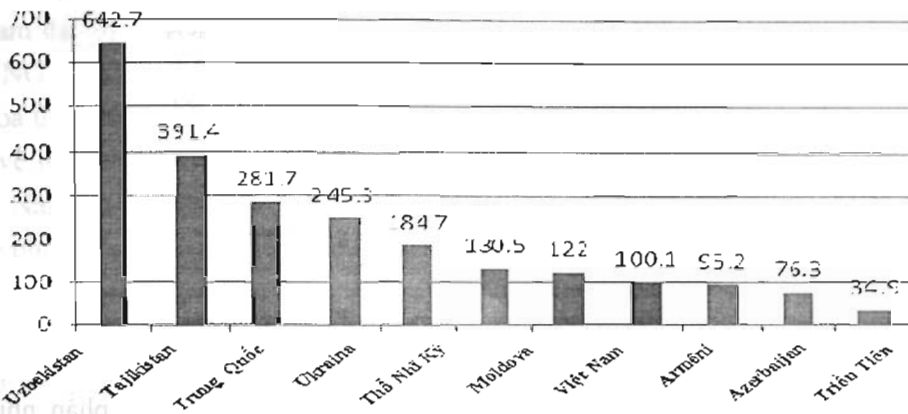
Không có số liệu chính xác về số lượng người Việt Nam ở Nga và Cộng đồng Các quốc gia độc lập. Theo đánh giá ước chừng có không ít hơn 350-400 nghìn người Việt Nam ở tất cả các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ. Theo điều tra dân số năm 2002, có 26 nghìn người Việt Nam ở Nga, tuy rằng trên thực tế con số này cao hơn nhiều. Theo đánh giá của chúng tôi, vào thời điểm này có thể có tới 100-150 nghìn người Việt Nam sinh sống ở Nga. Lý do có độ chênh lệch lớn đến 4-5 lần như vậy có thể là do điều tra dân số chưa đầy đủ. Ngoài ra, vào thời điểm này việc đăng ký hộ khẩu rất khó khăn và tốn kém do hạn ngạch quota (квота) giấy phép lao động (Подтверждение на право трудовой деятельности), nên có nhiều công dân Việt Nam sống và làm việc ở Nga tại thời điểm này đã không đủ giấy tờ hợp pháp. Hiện nay phần lớn người Việt Nam sinh sống và làm việc ở Matxcova, Vladmyr, Vladivostok, Sant-Peterburg, Piatigorsk vùng Xtavropol, Baskorstan, Volgagrat,

Xverdlov, Khabarov, Upha và các vùng khác. Ở thủ đô Matxcova và một số thành phố lớn khác đã có những ấn phẩm báo và tạp chí bằng tiếng Việt xuất bản tại chỗ hoặc chuyển từ Việt Nam sang. Ngoài ra, chỉ cần chảo anten vệ tinh và thiết bị thu, giải mã tín hiệu, cộng đồng người Việt ở Nga có thể xem kênh VTV4 qua vệ tinh, truyền những chương trình cho công dân Việt Nam ở nước ngoài. Người Việt Nam chủ yếu học tập hoặc làm việc trong lĩnh vực thương mại, nông nghiệp, kinh doanh nhà hàng, tăng gia sản xuất. Phần lớn người sinh sống và làm việc ở Nga đến từ miền bắc Việt Nam.

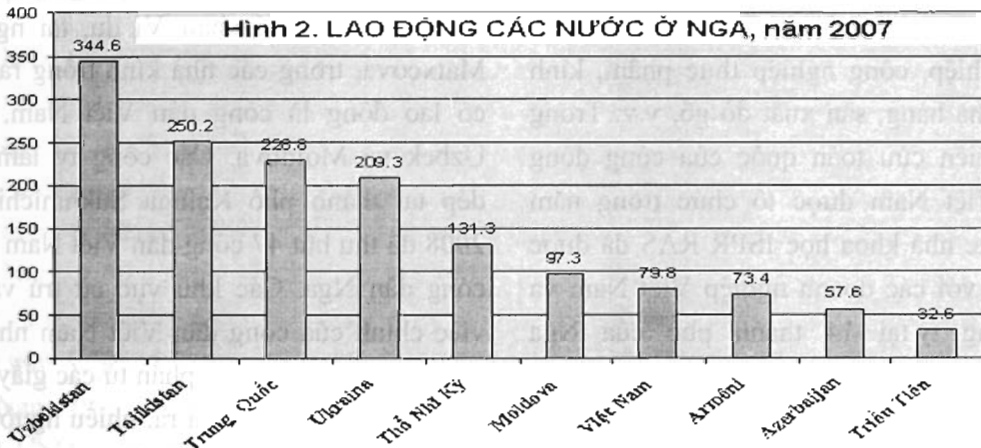
Theo số liệu chính thức của cơ quan Ngoại kiều Liên bang (FMS), số lượng người di cư lao động hợp pháp làm việc tại Nga tăng đều: năm 2003/ 2004/ 2005/ 2006/ 2007/ 2008 - khoảng 380.000/ 460.000/ 702.000/ 1.014.000/ 1.717.000/ 2.426.000 người.

Hiện nay, lực lượng lao động nước ngoài được làm việc ở Nga là hơn 140 quốc gia. Năm 2008, Việt Nam là quốc gia lớn thứ chín cung cấp lao động cho Nga (công dân Việt Nam chiếm 4% tổng lực lượng lao động nước ngoài). Tuy nhiên, trong số các quốc gia ngoài SNG, Việt Nam chỉ xếp thứ ba sau Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ (hình 2). Năm 2008, Cơ quan Ngoại kiều Liên bang Nga đã cấp giấy phép cho hơn 95.000 công dân Việt Nam làm việc tại Nga. (Năm 2004, chỉ có 42 nghìn công dân Việt Nam được cấp giấy phép). Một lý do cho sự tăng trưởng này là việc ký các thỏa thuận mới trong lĩnh vực quản lý di chuyển giữa hai nước.

Hình 1: Số lượng lao động nước ngoài làm việc tại Nga vào năm 2008 của 10 nước (Đơn vị: nghìn người)



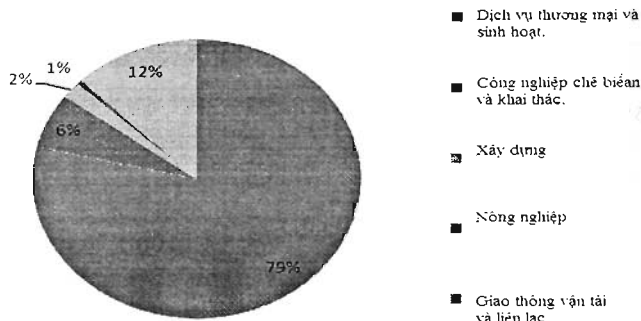
Hình 2. LAO ĐỘNG CÁC NƯỚC Ở NGA, năm 2007



Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết làm biến đổi quan trọng việc làm của người lao động Việt Nam tại Nga. Hầu hết trong số họ đã tham gia vào các hoạt động thương mại như một cấu trúc của hoạt động kinh tế và vẫn tiếp tục cho đến ngày nay. Năm 2008, có khoảng 79% công dân Việt Nam làm việc trong thương mại bán lẻ và bán buôn (tức khoảng 63.000 người). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, hoạt động thương mại của lao động di cư Việt Nam đã suy giảm và

tăng trong các lĩnh vực kinh tế khác kể cả sản xuất và công nghiệp nhẹ, nông nghiệp cũng như nhà hàng kinh doanh (xem hình 3). Lý do thay đổi trong cấu trúc của việc làm là do Nghị định của Chính phủ Nga, từ năm 2007 cấm công dân nước ngoài làm việc tại các thị trường bán lẻ, cũng như các định hướng dần dần của các doanh nghiệp Việt Nam đến các khu vực khác của hoạt động kinh tế.

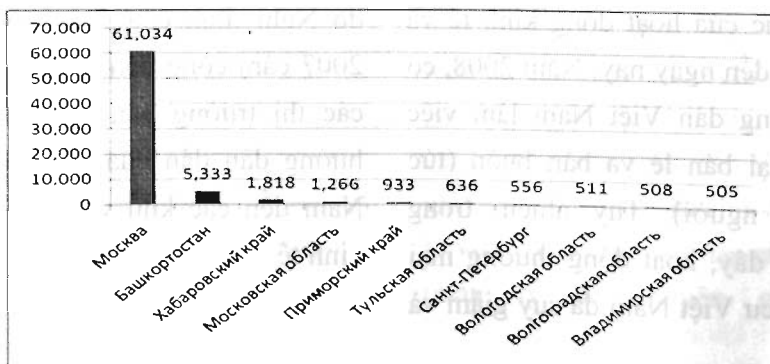
Hình 3. Tỷ lệ các lĩnh vực hoạt động của công dân Việt Nam nhập cư ở các thành phần kinh tế của Nga năm 2007 (%)



Tại Nga, lao động di cư Việt Nam khá thành công trong phát triển kinh doanh hàng may mặc và các ngành công nghiệp giày dép, nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, kinh doanh nhà hàng, sản xuất đồ gỗ, v.v. Trong một nghiên cứu toàn quốc của cộng đồng người Việt Nam được tổ chức trong năm 2007, các nhà khoa học ISPR RAS đã được điều tra với các doanh nghiệp Việt Nam và các công ty tại 14 thành phố của Nga (Kaluga, Matxcova, St. Petersburg, Ufa, Voronezh, Kursk, Chelyabinsk, Ekaterinburg, Novosibirsk, Krasnoyarsk, Irkutsk, Chita, Khabarovsk và Vladivostok). Một số công ty chỉ sử dụng lực

lượng lao động Việt Nam, phần nhiều các công ty Việt Nam có rất nhiều người Việt và Nga làm việc với nhau. Ví dụ, tại ngoại ô Matxcova, trong các nhà kính trồng rau quả có lao động là công dân Việt Nam, Nga, Uzbek và Moldova. Các công ty làm giày dép tại thành phố Kaluga Sukhinichi năm 2008 đã thu hút 47 công dân Việt Nam và 64 công dân Nga. Các khu vực cư trú và làm việc chính của công dân Việt Nam nhập cư là Matxcova, chiếm ba phần tư các giấy phép làm việc tại Nga. Ngoài ra, nhiều người Việt sống và làm việc tại Bashkortostan, vùng Khabarovsk, khu vực Matxcova và một số khu vực khác (xem hình 4).

Hình 4. Phân bố các di dân nhập cư từ Việt Nam tại các khu vực của Nga năm 1997. Số giấy phép lao động đã cấp cho các vùng



Hầu như tất cả các công ty của Việt Nam đều thiếu nhân lực và họ sẵn sàng đưa người từ Việt Nam sang. Các di dân lao động Việt Nam đặc biệt khác với dân di cư từ các nước SNG. Nếu các công nhân từ các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ có cơ hội thường xuyên về thăm quê hương, thì những di dân từ Việt Nam lại có một kế hoạch dài hạn và việc về phép là cả một vấn đề lớn: chi phí đi lại, việc làm các thủ tục giấy tờ ra vào Nga không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhất là quay lại Nga làm việc thường rất khó khăn. Mỗi lần như thế, chi phí thường khá lớn và nhiều người phải vay bạn bè.

Đánh giá khối lượng giao dịch chuyển tiền từ Nga về Việt Nam trên cơ sở thống kê của Nga là vô cùng khó khăn. Ngân hàng Trung ương Nga đã công bố dữ liệu đầu tiên của mình về khoản thanh toán quốc tế đến Việt Nam. Chỉ trong quý III năm 2009, thông qua chuyển tiền và email, đã có 5.000.000 USD từ Nga được chuyển sang Việt Nam, trung bình một lần chuyển khoản 1.970 USD. Nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy dòng chảy chính của thanh toán quốc tế được gửi tới các tỉnh phía bắc, nơi sinh sống của các gia đình và người thân của các công nhân nhập cư.

Quá cảnh và di cư bất hợp pháp từ Việt Nam sang Nga

Việt Nam và Nga là hai quốc gia không liền biên giới và cách nhau khá xa: nếu tính đường hàng không, Hà Nội cách Matxcova khoảng trên 8.000km với gần 9 giờ bay liên tục nên hầu hết (96%) công dân Việt Nam vào lãnh thổ của Nga qua các sân bay. Hiện nay đã có các chuyến bay giữa một số thành

phố của Nga với Hà Nội và Sài Gòn (TP. Hồ Chí Minh) do các hãng máy bay lớn như "Aeroflot" và "Việt Nam Airlines" đảm trách. Trong cơ cấu chung của di dân từ Việt Nam sang Nga năm 2008 chủ yếu gồm các mục đích chính thức như: du lịch (51%), doanh nghiệp tư nhân (26%), việc riêng (14%), quá cảnh (14%). Khác với công dân Việt Nam, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ..., công dân SNG cũng là những người nước ngoài nhưng lại có quyền cư trú ở Matxcova dưới 90 ngày không phải đăng ký tạm trú (cần có vé tàu, vé máy bay để làm chứng). Trên 90 ngày, họ cần đăng ký tại Phòng Hộ khẩu, xuất trình trích lục về hợp đồng đăng ký thuê nhà ở do Trung tâm Quản lý nhà thuê Matxcova cấp. Phần lớn cộng đồng người Việt sống, làm việc thường ở các thành phố lớn như Matxcova và các thành phố khác. Do nhu cầu kinh doanh nên có sự di chuyển từ thành phố này đến thành phố khác. Mỗi lần như vậy, thủ tục giấy tờ hợp pháp rất phức tạp. Chẳng hạn, theo quy định Việt kiều đã có giấy phép tạm trú: 3 năm ở Nga, nhưng cấp ở địa phương khác, để sinh sống và làm ăn hợp pháp tại Matxcova cần có những thủ tục sau: 1. Trước hết cần đăng ký tạm trú ở Matxcova khi mới đến. Với Giấy phép, Việt kiều có thể tự làm, nhưng thủ tục phải đi lại vài ba lần nên tốt nhất là thông qua công ty dịch vụ của Nga với giá: 3 tháng là khoảng 600 rup, 1 năm là 1.000 rup. 2. Việt kiều cần đăng ký mã số thuế cá nhân (tại nơi cấp Giấy phép tạm trú thời hạn 3 năm); 3. Cần đăng ký kinh doanh tư nhân hoặc mở công ty, có thể tại Matxcova. 4. Tiến hành kinh doanh theo Luật Kinh doanh (hệ thống chứng từ mua bán, xuất xứ

hàng hóa, hợp đồng hóa tất cả các quan hệ kinh tế, kể cả việc thuê chỗ bán hàng, thuê người bán hàng). 5. Thực hiện nghĩa vụ thuế (báo cáo thường kỳ, nộp thuế...).

Tuy nhiên, những điều khoản trên chỉ là căn cứ để Việt kiều muốn được phép kinh doanh tại Liên bang Nga, vì vậy người Việt phải thường xuyên cập nhật các điều khoản sửa đổi, bổ sung của luật pháp nước sở tại.

Năm 2010 là năm đặc biệt khó khăn đối với cộng đồng người Việt tại LB Nga: Chính quyền Nga cắt giảm quota đối với người lao động nước ngoài đến mức thấp nhất; Việc gia hạn hộ khẩu và cấp quyền lao động hết sức nhỏ giọt khiến hàng nghìn người Việt Nam lâm vào hoàn cảnh sống bất hợp pháp... Ba vấn đề khó khăn lớn nhất hiện nay đối với cộng đồng người Việt ở Nga là: “chợ – quota – xưởng may”. Đại sứ quán Việt Nam tại LB Nga, Hội Doanh nghiệp Việt Nam tại LB Nga, Hội Người Việt Nam tại LB Nga, các nhà doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ, may mặc, đại diện các hiệp hội của người Việt Nam tại LB Nga... đã họp bàn để tìm biện pháp hỗ trợ, nhằm tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng². Tuy nhiên, những tổ chức trên cũng chỉ hỗ trợ được một phần khiêm tốn. Về khách quan, quan trọng nhất là chính sách của nước Nga đối với ngoại kiều. Về chủ quan, điểm cơ bản là do người Việt tại Nga kinh doanh vẫn

mang tính chất tạm bợ, không chú ý hoàn thiện cơ sở pháp lý, “có doanh mà không có nghiệp”, vì thế gần như phụ thuộc và bị động hoàn toàn khi chính quyền sở tại thay đổi chính sách: đối xử nhẹ tay thì làm ăn dễ dàng, khi siết chặt theo luật thì cộng đồng lâm vào khủng hoảng. Về lâu dài, cộng đồng phải tìm cách hợp pháp hóa việc sinh sống ổn định và chuyển đổi hình thức kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu pháp luật của nhà nước sở tại.

Tệ nạn xưởng may “đen” (bất hợp pháp) đang làm hình ảnh cộng đồng xấu đi trong mắt người Nga: lập xưởng không có giấy phép, chỉ dựa vào sự “bảo kê”, trốn thuế, công nhân không có giấy phép lao động, không có giấy tờ tùy thân (chủ xưởng giữ hộ chiếu để không cho công nhân bỏ trốn), chủ bất công nhân lao động kiệt sức, ăn ở trong điều kiện hết sức tồi tệ, có chủ còn quyết lương công nhân... Chính quyền Nga đang có chiến dịch truy quét những loại xưởng này. Tuy nhiên, nên xác định rõ thế nào là xưởng may “đen”³ để phân biệt với những chủ xưởng có ý định làm ăn hợp pháp, lương thiện. Để kinh doanh hợp pháp ở Nga, theo quy định của nước sở tại có nhiều điểm cộng đồng người Việt khó đáp ứng nên chưa thể hợp pháp hoàn toàn. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình làm xưởng may “trắng” (hợp pháp) đó là: Tuy trước đây xưởng đã được cấp giấy phép hoạt động, mặt bằng sản xuất đảm bảo các yêu cầu quy định, công

² Ngày 25/4/2010, tại Matxcova, Đại sứ quán Việt Nam phối hợp với Hiệp Hội các nhà doanh nghiệp Việt Nam tại LB Nga đã tổ chức Toạ đàm về “*Tình hình cộng đồng Việt Nam tại LB Nga trong bối cảnh mới*”.

³ Ở Nga trong hoạt động kinh doanh có khái niệm không chính thức hay gọi là tiếng lóng: “Черный”/đen: nghĩa là lậu 100%; “Серый”/nửa đen, nửa trắng: nghĩa là có cái chính thức, có cái là lậu; “белый”: nghĩa là làm ăn hợp pháp, đáng hoàng.

nhân có giấy phép lao động và được đăng ký hộ khẩu, nộp thuế đầy đủ..., nhưng từ năm 2010, do chủ trương, chính sách của Nga thay đổi, quota hạn chế đến mức thấp nhất từ trước đến nay, nên nhiều xưởng may đang hoạt động bình thường đột nhiên bị cắt quota, không được gia hạn tiếp, công nhân không được tiếp tục cấp Quyền Lao động và đăng ký hộ khẩu, thế là trở thành bất hợp pháp. Nhưng không nên vì thế gọi họ là xưởng “đen”... Ông Trần Đăng Chung, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Nga nêu vấn đề: *“Có thể lập Câu lạc bộ May mặc để các nhà doanh nghiệp trên lĩnh vực này trao đổi giúp đỡ lẫn nhau, làm thế nào để thành xưởng may hợp pháp, nghiêm túc... Nước Nga vẫn đang khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, nên vẫn có đất cho các doanh nghiệp Việt Nam...”*. Đại sứ Bùi Đình Dĩnh kêu gọi các nhà doanh nghiệp tìm cách giúp cộng đồng tháo gỡ khó khăn, ổn định đời sống kinh doanh, nhấn mạnh các chủ doanh nghiệp phải đoàn kết, liên doanh với nhau, làm ăn trên cơ sở tôn trọng luật pháp của nước sở tại, đồng thời nghiên cứu chuyển đổi hình thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình mới. Đại sứ cũng khẳng định: Đối với những xưởng may “đen” không có giấy phép, trốn thuế, bóc lột công nhân như nô lệ, làm xấu hình ảnh cộng đồng, phương hại đến tình hữu nghị Nga – Việt, nhà nước ta kiên quyết tìm cách loại bỏ. Ban Công tác cộng đồng cần phải kết hợp với các hiệp hội theo dõi, tổng hợp tình hình và cố vấn cho các doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng.

Theo ước tính, số lượng người di cư (tài liệu không chính thức) từ Việt Nam vào Nga

có thể khoảng 5-60 nghìn người. Phần lớn đây là những người di cư không được cấp phép làm việc hoặc quá hạn thị thực, và đến Nga bằng giấy tờ giả mạo để làm việc hay trung chuyển đến châu Âu. Theo kết quả của FMS của Nga, loại vi phạm chính của chế độ di dân của công dân Việt Nam tại Nga là bỏ qua trình tự đăng ký di chuyển các thủ tục về nơi cư trú, hết hạn thị thực cư trú. Các khía cạnh hình sự di trú được liên kết với các hành động của công ty dịch vụ cung cấp cho công dân Việt giấy tờ giả mạo hoặc di chuyển quá cảnh qua Nga sang các nước châu Âu qua biên giới Nga-Ukraina.

Những người di cư bất hợp pháp từ Việt Nam tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn, nhất là ở Matxcova. Dân di cư bất hợp pháp chủ yếu sống trong các khu vực như ký túc xá, khu vực kinh doanh, thuê các căn hộ ở chung vài ba người. Nếu không có đầy đủ giấy tờ và kỹ năng ngôn ngữ, dân di cư bất hợp pháp tại Nga phải sống trong những điều kiện tồi tàn, vệ sinh kém. Các mạng lưới tội phạm đang sử dụng những nơi cư trú nhỏ gọn của những cư dân tạm trú hợp pháp cho những người nhập cư bất hợp pháp. Trong năm 2007, khi Pháp luật Di dân mới có hiệu lực thì những người nước ngoài bị cấm hoạt động tại các thị trường bán lẻ, do đó nhiều di dân Việt Nam đã lâm vào tình trạng khó khăn. Hầu hết họ muốn về nước, nhưng lại thiếu kinh phí và giấy tờ hợp lệ. Giá vé máy bay về Việt Nam quá cao là một khó khăn cho việc trục xuất khỏi nước Nga hàng chục nghìn người nhập cư bất hợp pháp Việt Nam bằng ngân khoản của Nga.